TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2021
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Huỳnh Liêm
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Diệu Trang
Ông Kiên Ngọc Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 445/2020/TLST-HN ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2021/QĐST-HN ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1986
Địa chỉ: ấp Gi, xã H, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp Gi, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18-11-2020 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Huỳnh Ngọc Th trình bày: Bà với ông Nguyễn Thanh B quen biết nhau được gia đình hai bên đồng ý sẽ tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Ch, tỉnh T. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn do chồng không lo làm ăn, dẫn đến tính tình không còn hợp nhau, không có sự đồng cảm với nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càn rạng nứt không thể hàn gắn lại được và ông B đã bỏ đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh không còn quan tâm lo cho gia đình. Nay bà yêu cầu xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Trà M, sinh ngày 19/6/2013 và Nguyễn Trọng Ph, sinh ngày 18/10/2005 hiện đang sống với tôi, sau khi ly hôn con muốn ở với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh B trong quá trình tố tụng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 73 BLTTDS. Tuy nhiên phía bị đơn ông Nguyễn Thanh B chưa thực hiện hết quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS cụ thể ông B không có mặt trong hòa giải, đối chất do Tòa án triệu tập mặt dù được tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Th, chấp nhận cho bà Th được trực tiếp nuôi con chung theo nguyện vong của con. Về tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, nguyên đơn phải chịu án phí theo quay định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Căn cứ Bản sao trích lục Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 28/9/2005 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Ch, tỉnh T cấp cho bà Huỳnh Ngọc Th với ông Nguyễn Thanh B đã xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Ngọc Th với ông Nguyễn Thanh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Gi, xã H, huyện C, tỉnh T. Xác định là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án niêm yết Thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ngày 09-12-2015 bà Huỳnh Ngọc Th có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh B và được Tòa án nhân dân huyện C xét xử ngày 06-4-2016 xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th. Đến ngày 18-11-2020 bà Th tiếp tục khởi kiện xin ly hôn với ông B nguyên nhân do mâu thuẫn vợ chồng và ông B đã bỏ đi không còn sống chung với nhau. Qua xác minh Trưởng Ban nhân dân ấp Gi cho biết, từ khi Tòa án nhân dân huyện C không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th, cuộc sống hôn nhân vợ chồng ông B, bà

Th không còn hạnh phúc do ông B tự gây ra nợ nần bên ngoài rồi bỏ đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 01 năm 2020 đến nay, thỉnh thoảng cũng có về địa phương nhưng ông B không còn quan tâm, lo lắng đến vợ con (Bút lục số 24). Thấy rằng, vợ chồng ông B, bà Th đã phát sinh mâu thuẩn kéo dài. Lẽ ra, sao khi Tòa án nhân dân huyện C giải quyết không cho vợ chồng ly hôn là đã tạo điều kiện cho ông B có cơ hội để hàn gắn gắn tình cảm, cùng nhau yêu thương, chăm lo đời sống nuôi dưỡng con cái. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ngược lại, ông B lại bỏ mặt không quan tâm bà Th cũng như không phụ lo nuôi con chung trong sinh hoạt học hành từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Trong quá trình tố tụng, ông B đã được Tòa án thông báo, triệu tập thông qua mẹ ruột ông B và niêm yết giấy triệu tập ông B về việc xin ly hôn của bà Th để Tòa án giải quyết mục đích nhằm hàn gắn cho vợ chồng đoàn tựu nhưng ông B không đến Tòa án xem như ông B từ bỏ không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông B với bà Th, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân của bà Th, ông B thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Từ những nguyên nhân mâu thuẩn trên, việc yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận ý kiến đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông B, bà Th có 02 người con tên Nguyễn Trà M, sinh ngày 19-6-2013 và Nguyễn Trọng Ph, sinh ngày 18-10-2005 hiện đang sống chung với bà Th. Theo bản khai hai con đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà Th. Thấy rằng, nguyện vọng của hai con là phù hợp với điều kiện sống thực tế và bà Th đồng ý tiếp tục được nuôi dưỡng hai con Trà M và Trọng Phúc. Do đó, sau khi ly hôn giao cho bà Th được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung sẽ đảm bảo về mặc tâm, sinh lý và sinh hoạt, học tập của con tốt hơn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc Th được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 28/9/2005 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Ch, tỉnh T cấp cho bà Huỳnh Ngọc Th với ông Nguyễn Thanh B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Ngọc Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trà M, sinh ngày 19-6-2013 và Nguyễn Trọng Ph, sinh ngày 18-10-2005.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Ngọc Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Thanh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003995 ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Do đó, bà Th không phải nộp tiếp.

Án xử công khai vắng mặt bị đơn. Bà Huỳnh Ngọc Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Thanh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh T;
- Các đương sư;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Huỳnh Liêm